

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 06-11-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Minh;

Ông Hồ Văn Khang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 434/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Cẩm H, sinh năm 1987; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp HP, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Ấp HT, xã HKT, huyện ĐH, tỉnh Long An, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Dương Đỗ T, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp HP, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 5 năm 2019 và bản tự khai - nguyên đơn chị Trần Cẩm H trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, chị và anh T thuê nhà trọ để ở và đi làm công nhân. Đến tháng 12/2018, vợ chồng về

sống chung nhà với cha mẹ chồng. Trong thời gian sống chung, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn đầu năm 2019, nguyên nhân do anh T và gia đình bên chồng còn giữ mối quan hệ với người vợ trước của anh T. Ngoài ra, anh T còn cờ bạc, không lo lắng cho vợ con. Mặc dù, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không được. Vì vậy, chị bỏ về bên cha mẹ ruột sống từ tháng 4/2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc.

Hiện tình cảm vợ chồng không còn do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Thanh N, sinh ngày 11-6-2018, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Anh Dương Đỗ T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên không thể hiện lời khai của anh T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn anh T chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ đương sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T.

Về con chung: Giao cháu Ngọc cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Dương Đỗ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Chị H và anh T chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do anh T cờ bạc, không lo làm ăn, bỏ bê công việc, không chăm sóc gia đình. Qua xác minh người thân của anh T xác nhận: anh T có nhận được giấy triệu tập của Tòa án tuy nhiên bận đi làm nên không đến Tòa án tham gia tố tụng. Trong thời gian, chị H và anh T

sống chung với gia đình bên chồng thì giữa chị H và anh T thường xuyên cãi vã nhau nhưng nguyên nhân như thế nào thì gia đình không biết.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T biết nhưng anh T không đến tham gia tố tụng điều đó cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Nay chị H vẫn giữ yêu cầu ly hôn, do đó, xét tình trạng vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Dương Thanh N, sinh ngày 11-6-2018, hiện đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu tiếp tục nuôi. Xét thấy cháu Ngọc, sinh ngày 11-6-2018 (dưới 36 tháng tuổi) nên việc chị H yêu cầu tiếp tục nuôi là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên giao cháu N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H so với điều kiện hoàn cảnh của anh T là không phù hợp vì hiện nay anh T nghề nghiệp làm thuê và phải nuôi 02 người con riêng của anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử điều chỉnh mức cấp dưỡng nuôi con cho phù hợp với hoàn cảnh của anh T, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng.

Anh T có quyền thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng về ly hôn; bị đơn anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Cẩm H đối với anh Dương Đỗ T.

Chị Trần Cẩm H được ly hôn anh Dương Đỗ T.

2. Về con chung: Giao chị Trần Cẩm H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Dương Thanh N, sinh ngày 11-6-2018.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Dương Đỗ T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc mỗi tháng 800.000 (tám trăm nghìn) đồng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Anh T có quyền thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Trần Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0017292 ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã AH;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm